

Bản án số: 34/2021/ DSST
Ngày 07/07/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật**

- **Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải**

2/ - Bà Nguyễn Thị Việt Tím

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư**

Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 07 tháng 07 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/ TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/ QĐXXST- DS ngày 04 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1969

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: số 20, tổ 04, ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang (theo giấy ủy quyền ngày 03/03/2021)
(có mặt).

Bị đơn: Anh **Phạm Thanh H**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Chị Lâm Thị Kim C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 51, tổ 04, ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Nguyên vào ngày 10/07/2018, vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C có đến nhà cha mẹ tôi là ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T vay số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 10/07/2018, vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C hẹn sau 30 ngày, vào ngày 10/08/2018 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho cha mẹ tôi, mục đích vợ chồng anh H, chị C vay tiền của cha mẹ tôi là để lấy vốn làm ăn.

Đến nay thì vợ chồng anh H, chị C vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho cha mẹ tôi mặc dù cha mẹ tôi có đến nhà vợ chồng anh H, chị C đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị C chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, Tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C trả cho cha mẹ tôi là ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C trình bày: anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh H, chị C vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng

đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh H, chị C, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị C là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T với anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chi phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì ông C, bà T có cho vợ chồng anh H, chị C vay tiền vào ngày 10/07/2018 số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 10/07/2018, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 2%/01 tháng, thời hạn trả nợ là sau 30 ngày, vào ngày 10/8/2018, vợ chồng anh H, chị C sẽ trả hết nợ gốc và tiền lãi cho ông C, bà T. Đến thời hạn trả nợ thì ông C, bà T có đến nhà vợ chồng anh H, chị C đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị C chỉ hứa hết lần này đến lần khác, đến nay vợ chồng anh H, chị C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đóng lãi cho ông C, bà T.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính

lãi theo quy định của pháp luật. Lãi yêu cầu của chị Đ phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 10/08/2018 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 07/07/2021 là 1.057 ngày cụ thể như sau: $120.000.000đ \times 1,66\% \times 1.057 \text{ ngày} = 70.184.800đ$ tính tròn là 70.185.000đ (bảy mươi triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 190.185.000đ (một trăm chín mươi triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0008173 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C phải nộp: $190.185.000đ \times 5\% = 9.509.250đ$ tính tròn là 9.509.000đ (chín triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T.

3/ Buộc vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T số tiền gốc và lãi là 190.185.000đ (một trăm chín mươi triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu Thi hành án nêu vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc vợ chồng anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C nộp 9.509.000đ (chín triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị T số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0008173 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Đ biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Phạm Thanh H, chị Lâm Thị Kim C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật